

BÀN VỀ CON ĐƯỜNG CHUYỂN ĐỔI MÔ HÌNH GIẢNG DẠY "TIẾNG TRUNG VÀ NGHỀ NGHIỆP" TẠI CÁC TRƯỜNG ĐẠI HỌC Ở VIỆT NAM DƯỚI GÓC NHÌN GIÁO DỤC HÁN NGỮ QUỐC TẾ

Nguyễn Thị Hoàng Oanh¹, Trương Mỹ Vân^{2*}¹Trường Đại học Lạc Hồng, Số 10 Huỳnh Văn Nghệ, phường Bửu Long, Biên Hòa, Đồng Nai, Việt Nam²Trường Đại học Văn Lang, 69/68 Đặng Thùy Trâm, phường Bình Lợi Trung, TPHCM

* Tác giả liên hệ: van.tm@vlu.edu.vn

THÔNG TIN BÀI BÁO

Ngày nhận: 25/1/2025
Ngày hoàn thiện: 13/2/2025
Ngày chấp nhận: 11/3/2025
Ngày đăng: 30/6/2025

TÓM TẮT

Cùng với sự thúc đẩy sâu rộng của sáng kiến "Một Vành đai, Một Con đường", nhu cầu về nhân tài tiếng Trung có kỹ năng tổng hợp tại Việt Nam đang không ngừng gia tăng. Nghiên cứu này dựa trên dữ liệu thực chứng từ 49 trường đại học có ngành tiếng Trung tại Việt Nam, kết hợp với xu hướng phát triển mới của giáo dục Hán ngữ quốc tế theo mô hình "Tiếng Trung + Kỹ năng nghề nghiệp", nhằm phân tích một cách có hệ thống những mâu thuẫn cấu trúc hiện tồn trong mô hình giảng dạy tiếng Trung tại Việt Nam. Kết quả nghiên cứu cho thấy, các trường đại học Việt Nam vẫn tồn tại sự phụ thuộc đáng kể vào mô hình truyền thống trong thiết kế chương trình giảng dạy, biên soạn giáo trình theo hướng nội địa hóa và đào tạo kỹ năng thực hành, điều này gây khó khăn trong việc đáp ứng nhu cầu cấp thiết của nền kinh tế số đối với nhân lực tổng hợp theo mô hình "Ngôn ngữ +". Trên cơ sở đó, nghiên cứu đề xuất khung cải cách "Ba bên phối hợp", thông qua tái cấu trúc hệ thống chương trình đào tạo, đổi mới biên soạn giáo trình và nâng cao năng lực đội ngũ giảng viên, từ đó thúc đẩy sự chuyển đổi mô hình giảng dạy.

TỪ KHÓA

Giáo dục Hán ngữ quốc tế;
Tiếng Trung;
Kỹ năng nghề nghiệp;
Giảng dạy tiếng Trung tại Việt Nam;
Cải cách chương trình;
Kết hợp đào tạo với doanh nghiệp.

ON THE TRANSFORMATION PATH OF THE "CHINESE LANGUAGE AND VOCATIONAL SKILLS" TEACHING MODEL IN VIETNAMESE UNIVERSITIES FROM THE PERSPECTIVE OF INTERNATIONAL CHINESE EDUCATION

Nguyen Thi Hoang Oanh¹, Truong My Van^{2*}¹ Lac Hong University, No. 10 Huynh Van Nghe, Buu Long Ward, Bien Hoa, Dong Nai, Vietnam² Van Lang University, No. 69/68 Dang Thuy Tram, Binh Loi Trung Ward, Ho Chi Minh city

* Corresponding Author: van.tm@vlu.edu.vn

ARTICLE INFO

Received: Jan 25th, 2025
Revised: Feb 13rd, 2025
Accepted: Mar 11st, 2025
Published: Jun 30th, 2025

KEYWORDS

International Chinese Education;
Chinese;
Vocational Skills;
Chinese Language Teaching in Vietnam;
Curriculum Reform;
Industry-Academia Collaboration.

ABSTRACT

With the deepening implementation of the "The Belt and Road Initiative," the demand for Chinese language professionals with comprehensive skills in Vietnam has been steadily increasing. This study, based on empirical data from 49 Vietnamese universities offering Chinese language programs, integrates the latest trends in international Chinese education under the "Chinese + Vocational Skills" model to systematically analyze the structural contradictions in the current Chinese language teaching model in Vietnam. The findings reveal a persistent reliance on traditional approaches in curriculum design, localized textbook development, and practical skills training, which poses challenges in meeting the urgent demands of the digital economy for interdisciplinary talent under the "Language +" framework. In response, this study proposes a "Tripartite Collaboration" reform framework, advocating for the restructuring of academic programs, innovation in textbook development, and enhancement of faculty competencies to facilitate the transition towards a more integrated teaching model.

Doi:

Available online at: <https://js.lhu.edu.vn/index.php/lachong>.

1. ĐẶT VẤN ĐỀ

Chương trình giáo dục “tiếng Trung+” là phương tiện quan trọng trong quốc tế hóa giáo dục nghề nghiệp và mở cửa giáo dục, đáp ứng nhu cầu thực tiễn của công tác giảng dạy tiếng Trung tại nước ngoài. Cộng thêm mối quan hệ hợp tác kinh tế-thương mại giữa ASEAN và Trung Quốc ngày càng gắn kết, duy trì vị thế là đối tác thương mại lớn nhất của nhau trong bốn năm liên tiếp, những thành tựu nổi bật trong lĩnh vực du lịch, vận tải, viễn thông, dịch vụ máy tính - thông tin và thương mại điện tử đã dẫn đến nhu cầu bùng nổ về nhân lực “tiếng Trung+”. Do đó, việc nghiên cứu thực trạng và xu hướng phát triển các chương trình “tiếng Trung+” tại khu vực Đông Nam Á là hết sức cần thiết.

Các nghiên cứu hiện có chủ yếu tập trung vào bốn nhóm: (1) Nghiên cứu bản chất khái niệm “tiếng Trung+” (Lý Tuyên, 2011; Ngô Ứng Huy - Lưu Sài Kỳ, 2020; Mạnh

Nguyên - Thương Nhược Phàm, 2022); (2) Nghiên cứu mô hình hợp tác “tiếng Trung+” (Từ Lôi Phương - Từ Lệ Hoa, 2023; Đỗ Tu Bình và cộng sự, 2023); (3) Nghiên cứu đào tạo nhân lực “tiếng Trung+” (Điền Thắc - Lý Bảo Quý, 2023; Bộ Diên Tân, 2023; Lý Thụy Lâm và cộng sự, 2023); (4) Nghiên cứu về vấn đề giáo viên - giáo trình - giáo pháp trong “tiếng Trung+” (Trần Mạn Thiến - Triệu Vĩnh Sinh, 2023; Chu Yến và cộng sự, 2023; Lương Vũ - Lưu Cần Cần, 2024). Tổng quan cho thấy các công trình nghiên cứu tập trung vào diễn biến phát triển chương trình “tiếng Trung+” tại Đông Nam Á còn hạn chế, tạo ra không gian nghiên cứu cho bài viết này.

Trong bối cảnh tái cấu trúc chuỗi cung ứng toàn cầu, Việt Nam, với tư cách là quốc gia có tốc độ tăng trưởng kinh tế số nhanh nhất ASEAN (World Bank, 2022), đang chứng kiến sự gia tăng đột biến về nhu cầu đối với nguồn nhân lực có khả năng sử dụng thành thạo tiếng Trung và sở hữu kỹ năng chuyên môn. Theo dữ liệu từ Bộ Thương mại Trung Quốc, tổng kim ngạch thương mại song phương giữa Trung Quốc và Việt Nam trong nửa đầu năm 2023 đạt 123,45 tỷ USD, tăng 4,5% so với cùng kỳ năm trước. Sự hợp tác trong các lĩnh vực như thương mại điện tử xuyên biên giới, sản xuất thông minh đã tạo ra nhu cầu mới về nhân lực. Tuy nhiên, hệ thống đào tạo nhân tài tiếng Trung hiện nay tại Việt Nam vẫn chủ yếu dựa trên mô hình giáo dục ngôn ngữ - văn học truyền thống, thể hiện rõ đặc điểm “nền tảng ngôn ngữ mạnh, ứng dụng thực tiễn yếu”. Sự lệch pha giữa cung và cầu về nhân lực này đã thu hút sự quan tâm rộng rãi của giới học thuật: Làm thế nào để các trường đại học tại Việt Nam có thể vượt qua rào cản của mô hình giảng dạy tiếng Trung truyền thống và xây dựng hệ thống đào tạo nhân tài phù hợp với mô hình “Tiếng Trung + Nghề nghiệp”?

So sánh với các nước ASEAN khác, Thái Lan và Indonesia đã có những bước tiến sâu rộng trong lĩnh vực “Tiếng Trung + Nghề nghiệp”. Ví dụ, Đại học Chiang Mai (Thái Lan) đã thúc đẩy đào tạo nhân lực thương mại điện tử xuyên biên giới thông qua hợp tác giữa trường học và doanh nghiệp. Năm 2022, Khoa Nghệ thuật Truyền thông và Công nghệ của trường đã phối hợp với Viện Không Tử để triển khai chương trình đào tạo thạc sĩ “Thương mại điện tử xuyên biên giới Trung - Thái”, cung cấp nhân lực chất lượng cao cho nền kinh tế số địa phương. Đồng thời,

các sản phẩm đặc trưng của khu vực Bắc Thái như cà phê Arabica Chiang Rai, dầu gội thảo dược Chiang Mai đang từng bước tiến vào thị trường Trung Quốc thông qua nền tảng thương mại điện tử, thể hiện con đường thực tiễn cho mô hình kết hợp “Tiếng Trung + Nghề nghiệp”. Tháng 8 năm 2023, Tập đoàn Dunhuang Net của Trung Quốc phối hợp với Viện Không Tử Đại học Chiang Mai triển khai khóa học đổi mới sáng tạo thương mại điện tử xuyên biên giới; tháng tiếp theo, các sinh viên Thái Lan tham gia chương trình này đã đến thực tập tại Khu Thương mại Tự do Hải Nam, đánh dấu bước tiến mới trong hợp tác giáo dục nghề nghiệp giữa Trung Quốc và Thái Lan. Những kinh nghiệm này có ý nghĩa tham khảo quan trọng đối với con đường cải cách của các trường đại học tại Việt Nam.

2. PHÂN TÍCH HIỆN TRẠNG MÔ HÌNH GIẢNG DẠY TIẾNG TRUNG TẠI VIỆT NAM

2.1 Bất hợp lý cấu trúc trong hệ thống chương trình đào tạo

Hệ thống giáo dục tiếng Trung tại Việt Nam tồn tại sự mất cân bằng nghiêm trọng trong cơ cấu chương trình, thể hiện qua đặc điểm “Ba cao - Ba thấp”: tỷ lệ các khóa học nền tảng ngôn ngữ quá cao, các môn lý thuyết quá nhiều, mức độ tương đồng giữa các chương trình đào tạo các trường khá cao; trong khi đó, các mô-đun kỹ năng nghề nghiệp bị thiếu hụt, tích hợp liên ngành chưa đầy đủ, và tỷ lệ tín chỉ thực hành quá thấp. Bất hợp lý này phản ánh trực tiếp sự lệch pha giữa mô hình giáo dục ngôn ngữ truyền thống và nhu cầu nhân lực trong thời đại kinh tế số, với nguyên nhân sâu xa bắt nguồn từ ba yếu tố chính: thiết kế thể chế của giáo dục đại học Việt Nam, sự phụ thuộc vào mô hình phát triển ngành học, và sự thiếu hụt cơ chế phản hồi từ thị trường lao động.

2.2 Tình trạng xây dựng giáo trình mang tính bản địa hóa

Theo nghiên cứu của Lưu Hón Vũ (2011), tỷ lệ giáo trình tự biên soạn tại Việt Nam đạt 66,18%, nhưng tồn tại những khiếm khuyết nghiêm trọng về mặt cấu trúc:

Mất cân bằng kỹ năng: 81,4% giáo trình tập trung vào hội thoại, trong khi giáo trình chuyên ngành chiếm chưa đến 3%, dẫn đến sự thiếu hụt nghiêm trọng về vốn từ vựng chuyên ngành của sinh viên.

Thiếu tính thích ứng văn hóa: 83% giáo trình vẫn sử dụng khung chủ đề truyền thống, ít đề cập đến bối cảnh kinh tế số và thương mại điện tử xuyên biên giới, khiến nội dung giảng dạy lạc hậu so với sự phát triển của ngành từ 5 - 8 năm (Bộ Công Thương Việt Nam, 2022).

2.3 Tính phân mảnh của hệ thống đào tạo thực hành

Hệ thống đào tạo thực hành trong giáo dục tiếng Trung tại Việt Nam vẫn mang tính phân mảnh, thiếu tính hệ thống, với các mô-đun thực hành chủ yếu tập trung vào công việc dịch thuật văn bản và hướng dẫn hội nghị, chưa đáp ứng được nhu cầu của doanh nghiệp trong các lĩnh vực thương mại điện tử, logistics quốc tế và sản xuất thông minh.

3. ĐỀ XUẤT KHUNG CẢI CÁCH “BA BÊN PHỐI HỢP”

Trên cơ sở phân tích các mâu thuẫn hiện hữu, nghiên cứu này đề xuất khung cải cách “Ba bên phối hợp”, bao

gồm: Một là, Tái cấu trúc hệ thống chương trình đào tạo, nâng cao tỷ lệ môn học liên quan đến kỹ năng nghề nghiệp; Hai là Đổi mới biên soạn giáo trình, xây dựng giáo trình theo hướng tích hợp ngôn ngữ và chuyên môn; Ba là Nâng cao năng lực đội ngũ giảng viên, thúc đẩy đào tạo liên ngành và hợp tác doanh nghiệp.

Việc thực hiện những cải cách trên sẽ góp phần nâng cao chất lượng đào tạo nhân tài tiếng Trung tổng hợp tại Việt Nam, đáp ứng tốt hơn nhu cầu thị trường lao động trong thời đại kinh tế số.

Việc xây dựng lý thuyết cho quá trình chuyển đổi giáo dục tiếng Trung tại Việt Nam cần vượt qua góc nhìn đơn nhất của ngôn ngữ học truyền thống, tích hợp lý thuyết tiếp thu ngôn ngữ thứ hai và nguyên lý kinh tế học ngôn ngữ, từ đó hình thành một mô hình cải cách thích ứng với bối cảnh khu vực. Dựa trên lý thuyết động lực học trong học tập ngôn ngữ thứ hai của Dornyei (1998) và lý thuyết kinh tế học ngôn ngữ của Li Yu Ming (2012), nghiên cứu này đề xuất mô hình cải cách "Ba bên phối hợp", trong đó cốt lõi là sự phối hợp giữa tái cấu trúc hệ thống chương trình, đổi mới biên soạn giáo trình và đào tạo năng lực giảng viên nhằm chuyển đổi từ "quan điểm công cụ ngôn ngữ" sang "quan điểm vốn nhân lực".

3.1 Tái cấu trúc hệ thống chương trình

Mô hình "Tiếng Trung + Nghề nghiệp" trong tái cấu trúc chương trình

Trong mô hình "Tiếng Trung + Nghề nghiệp", hệ thống chương trình cần chuyển đổi từ đào tạo kỹ năng ngôn ngữ đơn thuần sang phát triển năng lực tổng hợp, tích hợp chặt chẽ giữa học tập ngôn ngữ và kỹ năng nghề nghiệp. Cụ thể, có thể thực hiện theo các phương hướng sau:

Tăng cường tích hợp kỹ năng nghề nghiệp trong chương trình đào tạo: Bên cạnh việc duy trì số tín chỉ ngôn ngữ cơ bản theo quy định của các trường đại học Việt Nam, cần bổ sung mô-đun "Kỹ năng nghề nghiệp". Tỷ lệ giữa tín chỉ ngôn ngữ cơ bản và kỹ năng nghề nghiệp nên được điều chỉnh lần lượt thành 60% và 40%. Mô-đun nghề nghiệp có thể bao gồm các khóa học như vận hành thương mại điện tử xuyên biên giới, logistics quốc tế, tiếp thị số và sản xuất thông minh – những lĩnh vực có liên hệ mật thiết với nền kinh tế khu vực và sự phát triển công nghiệp.

Thực hiện mô hình đào tạo theo lộ trình ba giai đoạn: Dựa trên mô hình "2 + 1 + 1", lộ trình đào tạo được chia thành ba giai đoạn:

Giai đoạn cơ bản (2 năm): Tập trung vào giảng dạy so sánh tiếng Trung – tiếng Việt, cung cấp đầu vào ngôn ngữ có hệ thống nhằm nâng cao kỹ năng nghe, nói, đọc, viết. Đồng thời, tích hợp các mô-đun giao lưu liên văn hóa sơ cấp.

Giai đoạn tăng cường (1 năm): Trên nền tảng ngôn ngữ vững chắc, giảng dạy tiếng Trung chuyên ngành và thuật ngữ ngành nghề, bao gồm tiếng Trung thương mại, tiếng Trung pháp lý, tiếng Trung tài chính, nhấn mạnh việc tiếp thu kiến thức chuyên ngành bằng ngôn ngữ thứ hai.

Giai đoạn thực hành (1 năm): Kết hợp với doanh nghiệp tổ chức thực tập dựa trên nhiệm vụ, giúp sinh viên áp dụng lý thuyết vào thực tiễn, nâng cao năng lực giải quyết vấn đề trong môi trường làm việc thực tế.

Thúc đẩy tích hợp liên ngành và thiết kế chương trình học theo mô-đun: Nhấn mạnh việc xây dựng các khóa học theo mô-đun, mỗi khóa học không chỉ truyền đạt kiến thức ngôn ngữ mà còn tích hợp các tình huống thực hành chuyên ngành. Ví dụ, trong môn "Tiếng Trung kinh doanh quốc tế", có thể thiết kế các chuyên đề "Đàm phán thương mại", "Quản lý chuỗi cung ứng xuyên biên giới", áp dụng phương pháp giảng dạy tình huống, mô phỏng, nhập vai để giúp sinh viên vừa học lý thuyết vừa thực hành.

3.2 Đổi mới biên soạn giáo trình theo mô hình "Tiếng Trung + Nghề nghiệp"

Giáo trình đóng vai trò quan trọng trong quá trình cải cách giảng dạy, việc đổi mới nội dung và cấu trúc giáo trình là yêu tố then chốt trong triển khai mô hình "Tiếng Trung + Nghề nghiệp". Các cải tiến đề xuất bao gồm:

Phân mô-đun nội dung và xây dựng bối cảnh học tập: Dựa trên quan điểm kinh tế học ngôn ngữ, giáo trình có thể được chia thành ba mô-đun:

Mô-đun ngôn ngữ (40%): Giải thích hệ thống kiến thức tiếng Trung cơ bản, nhấn mạnh so sánh ngữ pháp, từ vựng giữa tiếng Trung và tiếng Việt.

Mô-đun văn hóa (30%): Lồng ghép nội dung giao lưu văn hóa Trung – Việt, so sánh phong tục, tập quán nhằm cung cấp bối cảnh học tập phù hợp.

Mô-đun chuyên ngành (30%): Xây dựng các bài học dựa trên ngành nghề cụ thể như thương mại điện tử, logistics, tiếp thị số, kết hợp tình huống thực tiễn và nhiệm vụ học tập.

Bản địa hóa và định hướng theo nhu cầu doanh nghiệp: Giáo trình cần tuân theo các tiêu chuẩn giảng dạy quốc tế, đồng thời điều chỉnh phù hợp với thực tiễn kinh tế, văn hóa và nhu cầu doanh nghiệp tại Việt Nam. Đội ngũ biên soạn nên có sự tham gia của các chuyên gia song ngữ, doanh nghiệp để đảm bảo nội dung chuyên ngành sát với thực tế.

Tích hợp tài nguyên giảng dạy đa phương tiện: Khuyến khích phát triển giáo trình điện tử, khóa học trực tuyến, kho dữ liệu video nhằm nâng cao tính tương tác và khả năng cập nhật nội dung theo thời gian thực.

3.3 Đào tạo đội ngũ giảng viên phù hợp với mô hình "Tiếng Trung + Nghề nghiệp"

Đội ngũ giảng viên chất lượng là yếu tố quyết định sự thành công của mô hình "Tiếng Trung + Nghề nghiệp". Các biện pháp đề xuất bao gồm:

Xây dựng đội ngũ giảng viên "kép" (song song giảng dạy và thực hành chuyên ngành): Khuyến khích hợp tác giữa trường đại học và doanh nghiệp để đào tạo giảng viên vừa có kỹ năng sư phạm, vừa am hiểu thực tế ngành nghề. Có thể tổ chức hội thảo, tập huấn với chuyên gia từ các trường đại học và doanh nghiệp Trung Quốc.

Triển khai chương trình đào tạo giảng viên theo ba cấp độ:

Đào tạo cơ bản: Trang bị phương pháp giảng dạy tiếng Trung và kỹ năng giao tiếp liên văn hóa.

Đào tạo chuyên sâu: Tập trung vào kiến thức chuyên ngành, phương pháp giảng dạy dựa trên tình huống và quản lý dự án trong doanh nghiệp.

Thực tập thực tế: Cử giảng viên đi thực tập tại doanh nghiệp, giúp họ kết nối lý thuyết với thực tiễn.

4. KẾT LUẬN VÀ KHUYẾN NGHỊ

Chuyển đổi giáo dục tiếng Trung tại Việt Nam cần vượt qua ba nút thắt quan trọng: thiết lập tiêu chuẩn "Tiếng Trung + Nghề nghiệp" ở cấp độ chính sách, xây dựng cơ chế hợp tác đổi mới giữa trường đại học và doanh nghiệp, thúc đẩy chuyển đổi số trong giáo dục. Kiến nghị Bộ Giáo dục Việt Nam hỗ trợ cải cách chương trình, các trường đại học Trung Quốc có thể ban hành tiêu chuẩn "Tiếng Trung + Nghề nghiệp", đồng thời thúc đẩy hợp tác

xây dựng liên minh giáo dục "Tiếng Trung +" tại Đông Nam Á nhằm hiện thực hóa chuyển đổi từ "đào tạo ngôn ngữ đơn thuần" sang "xây dựng năng lực tổng hợp".

5. TÀI LIỆU THAM KHẢO

- [1] Dornyei, Z. (1998). Motivation in Second and Foreign Language Learning. *Language Teaching*, 31(3), 117 - 135.
- [2] Li, Y. M. (2012). Understanding the Economic Attributes of Language. *Applied Linguistics*, 3, 12 - 21.
- [3] Vietnam E - Commerce Association. (2023). Report on Digital Talent Demand in Sino - Vietnamese Trade. Hanoi: VECOM Press.
- [4] Vietnam Ministry of Labor. (2023). Report on Higher Education Internship Quality. Hanoi: MOLISA Press.
- [5] Kolb, D. A. (1984). *Experiential Learning: Experience as the Source of Learning and Development*. Englewood Cliffs: Prentice Hall.